Chương 8

Typography cơ bản

Chữ cũng là hình, và cũng cần được chọn, phối, sắp

Mỹ thuật đa phương tiện ứng dụng | ThS. Lê Khắc Tuấn

Chữ đẹp trên máy bạn, vỡ trên máy nhà in

Ô vuông

Font thiếu ký tự: chữ “ờ” biến thành ô vuông.

Dấu lệch

Chữ “ữ” bị lệch dấu khi font không xử lý dấu chồng.

Dấu đâm dòng

Dòng nhỏ cuối trang bị dấu của dòng trên chạm vào.

Chữ cũng là hình: cần được chọn, phối và sắp có chủ đích, nhất là với tiếng Việt nhiều dấu.

Sau chương này, bạn làm được

1. Phân loại các nhóm kiểu chữ và gọi tên các bộ phận của chữ.
2. Phối tối đa hai họ chữ thành hệ thống có thứ bậc, dựa trên thang cỡ chữ.
3. Chỉnh cỡ chữ, khoảng cách dòng, độ dài dòng, khoảng cách chữ cho dễ đọc.
4. Kiểm tra font có đủ tiếng Việt và đẹp hay không trước khi dùng.
5. Xử lý chữ trên video và ảnh nền: phụ đề, tiêu đề, chữ chuyển động.

Lộ trình của chương

8.1	Giải phẫu chữ	8.2	Phân loại kiểu chữ
8.3	Phối chữ	8.4	Sắp chữ để dễ đọc
8.5	Chữ trên màn hình	8.6	Chữ Việt: lịch sử, bản sắc

Các bộ phận của một chữ cái

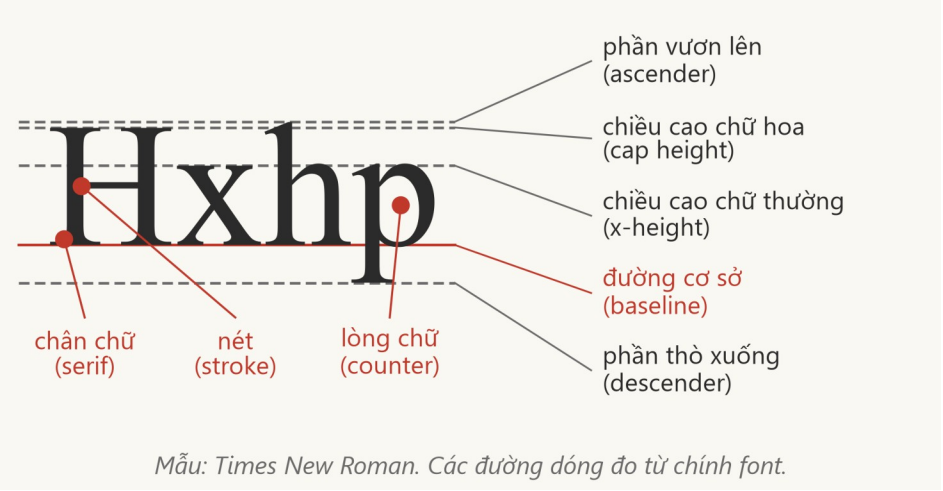
Đường cơ sở: đường các chữ "đứng" lên; mọi thứ khác tính từ đó.

x-height: chiều cao chữ thường như x, a, e; thông số quan trọng nhất để so sánh font.

Cap height: chiều cao chữ hoa.

Vươn lên, thò xuống: b, d, k, l và p, g, q, y.

Chân, nét, lòng chữ: lòng chữ nhỏ thì chữ dễ "tịt" khi thu nhỏ.



Hình 8.1. Giải phẫu chữ

Chữ Việt: dấu chồng nhiều tầng

Dấu chồng (ế, ử, ậ) vươn cao hơn chữ hoa; dấu nặng chui xuống dưới đường cơ sở.

Khoảng cách dòng cho tiếng Việt nên rộng hơn.

Hộp chữ không được cắt dấu.

Thống nhất một kiểu đặt dấu thanh trong toàn sản phẩm.



Hình 8.2. Dấu vươn cao hơn chữ hoa, dấu nặng chui xuống

Sáu nhóm kiểu chữ

Nhóm	Đặc điểm	Cảm giác, dùng cho
Có chân (serif): Garamond, Times	Nét có chân, thanh đậm	Cổ điển, sách, tiêu đề sang
Không chân (sans): Inter, Roboto	Nét đơn, không chân	Hiện đại, giao diện, biển báo
Chân vát (slab): Rockwell	Chân dày, vuông	Mạnh mẽ, báo chí
Viết tay, thư pháp (script)	Mô phỏng bút viết	Thiệp; chỉ dùng chữ ngắn
Trang trí (display)	Cá tính mạnh	Tiêu đề phim, poster
Đơn cách (monospace)	Mọi ký tự rộng bằng nhau	Mã lập trình, kỹ thuật

Một cụm chữ, sáu giọng khác nhau

Cùng cụm "Nghệ thuật", mỗi nhóm cho một cảm giác riêng



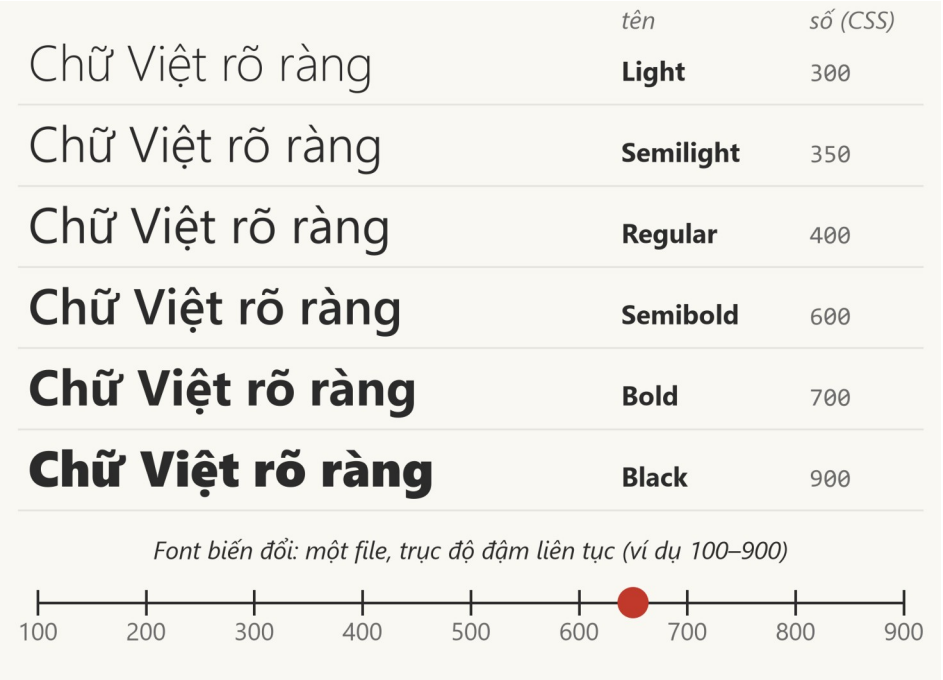
Hình 8.3. Sáu nhóm kiểu chữ với chữ Việt mẫu

Họ chữ, độ đậm, font biến đổi

Một họ chữ có nhiều độ đậm (CSS: 100–900).

Tạo khác biệt bằng độ đậm trước khi thêm họ chữ mới.

Font biến đổi: một file chứa độ đậm liên tục, chỉnh bằng thanh trượt.



Hình 8.4. Sáu độ đậm của một họ chữ

Kiểm tra font có đủ tiếng Việt

Luôn thử bằng câu mẫu nhiều dấu, ví dụ “Những người ở lại, nguyễn thị ngữ”.

Nhiều font quen có thể thiếu ký tự Việt hoặc đặt dấu xấu.

Xem cả dấu chồng, chữ Đ, chữ ơ, ư.

Font	Câu mẫu (đúng font đó, không thay thế)
Times New Roman **đủ tiếng Việt**	Người ở đừng về, ứ hự ỷ ễ ặ
Segoe UI **đủ tiếng Việt**	Người ở đừng về, ứ hự ỷ ễ ặ
Cambria **đủ tiếng Việt**	Người ở đừng về, ứ hự ỷ ễ ặ
Georgia **thiếu 10 ký tự**	Ng□□i □ đ□ng về, □ h□ □ □ □
Rockwell **thiếu 11 ký tự**	Ng□□i □ □□ng v□, □ h□ □ □ □
Segoe Script **thiếu 10 ký tự**	*Ng□□i □ đ□ng v□, □ h□ □ □ □*

Ô vuông hoặc khoảng trống thay cho chữ là dấu hiệu font không có ký tự đó.

Hình 8.5. Một câu mẫu, sáu font (Windows 11)

Nguồn font và giấy phép

Google Fonts

Kho font miễn phí lớn; lọc theo bộ ký tự “Vietnamese”. Theo trang hỏi đáp của Google Fonts: miễn phí, dùng được cho mục đích thương mại theo giấy phép từng font (phổ biến nhất là SIL Open Font License). Có Be Vietnam Pro, vẽ riêng cho tiếng Việt.

Font cài sẵn trong hệ điều hành

Thường kèm giấy phép riêng: soạn thảo thì được, nhưng nhúng vào sản phẩm phát hành thì phải đọc giấy phép.

Quy tắc hai họ chữ

Tốt: serif cho tiêu đề cộng sans cho nội dung.

Tốt: một họ chữ với nhiều độ đậm.

Chưa tốt: ba họ và nhiều cỡ; mắt không biết nhìn vào đâu.

Tối đa hai họ chữ; khác biệt tạo bằng cỡ và độ đậm trước.



Hình 8.6. Ba cách phối chữ

Thang cỡ chữ

Chọn cỡ gốc (16 px), nhân dần với một hệ số: 1,25 hoặc 1,333.

Năm bước của thang 1,25: 16, 20, 25, 31, 39 px.

Mỗi cấp (chú thích, nội dung, H3, H2, H1) ứng một giá trị trong thang.



Hình 8.7. Thang hệ số 1,25 từ cỡ gốc 16 px

Thứ bậc chữ

Ít cấp

H1, H2, H3, nội dung, chú thích, nút: đủ cho hầu hết sản phẩm.

Mỗi cấp một vai

Mỗi cấp gắn một giá trị trong thang cỡ, một độ đậm.

Nhất quán

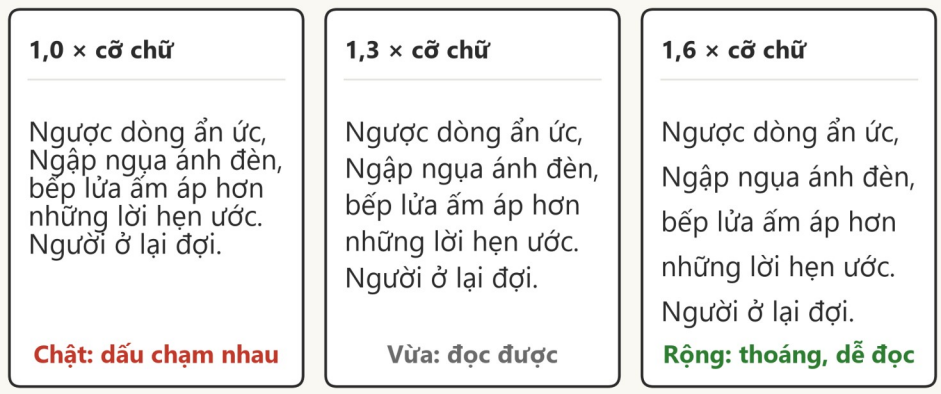
Cùng vai thì cùng kiểu trong toàn sản phẩm.

Khoảng cách dòng (leading)

Nội dung web: 1,4–1,6 lần cỡ chữ.

Quá chật thì dấu tiếng Việt chạm dòng trên; quá rộng thì dòng rời rạc.

Tiêu đề lớn chỉ cần khoảng 1,1–1,3 lần.



Hình 8.8. Chật (1,0), vừa (1,3), rộng (1,6)

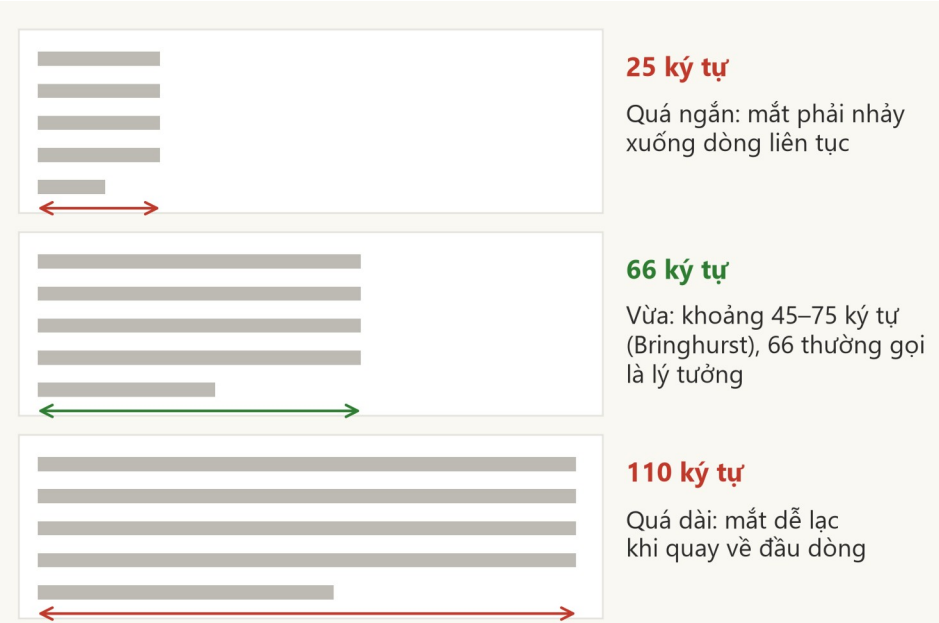
Độ dài dòng

Khoảng 45–75 ký tự mỗi dòng là dễ đọc nhất.

Quá ngắn: mắt nhảy dòng liên tục.

Quá dài: khó tìm đầu dòng kế tiếp.

Cột hẹp trên điện thoại: vẫn giữ trong khoảng này.



Hình 8.9. 25, 66 và 110 ký tự mỗi dòng

Tracking và kerning

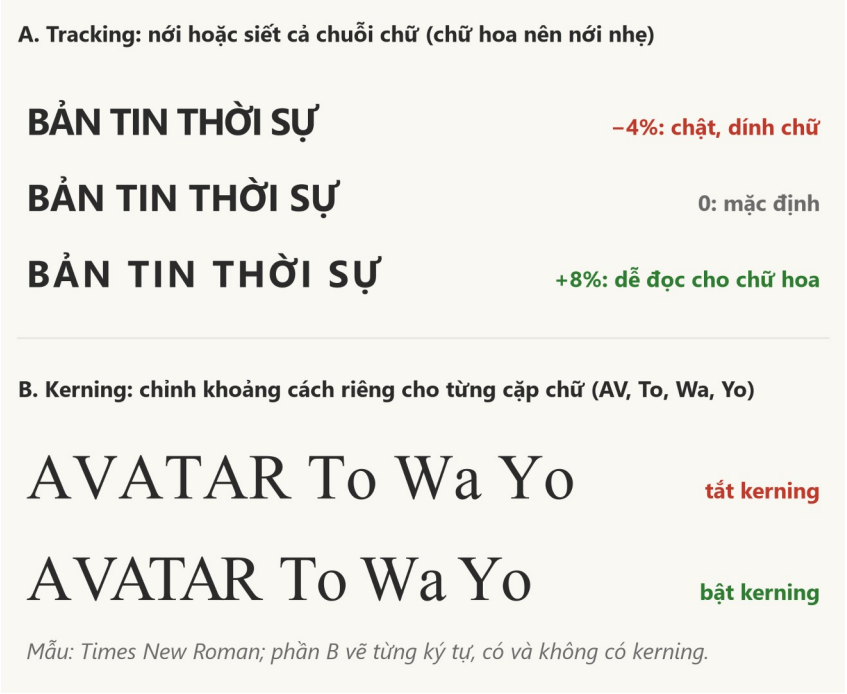
Tracking: khoảng cách đều giữa mọi chữ của chuỗi.

Kerning: chỉnh một cặp chữ cụ thể: AV, To, Wa, Yo.

Luôn bật kerning.

Chữ in hoa nên nới tracking nhẹ.

Không kéo giãn hay ép khung chữ: nét bị méo.



Hình 8.10. Tracking và kerning

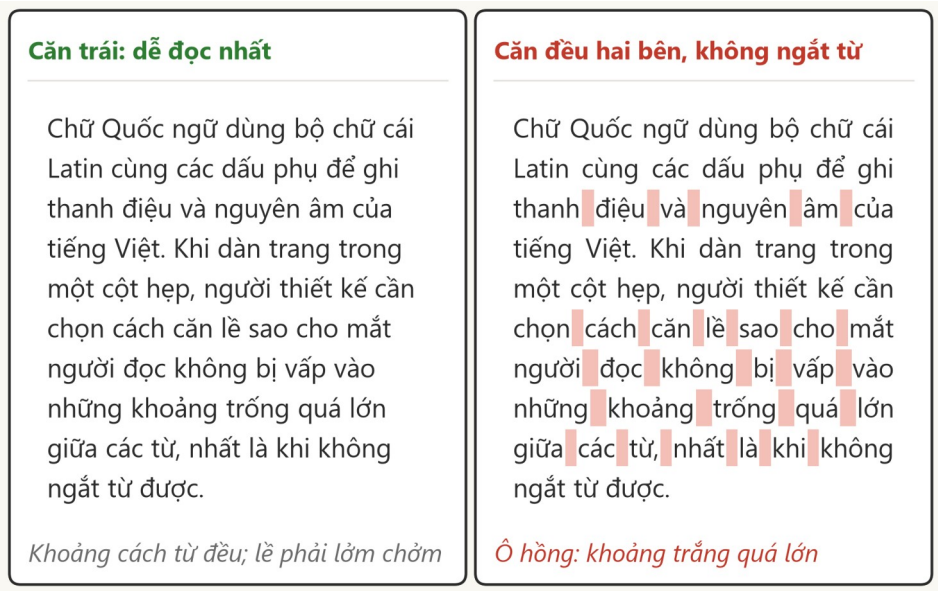
Căn lề

Căn trái: dễ đọc nhất, khoảng cách từ đều.

Căn đều hai bên: khối vuông vức nhưng dễ có khoảng trắng lớn (ô hồng) nếu không ngắt từ tốt.

Căn giữa: chỉ cho dòng ngắn.

Căn phải: hiếm, hợp nhãn cạnh hình.



Hình 8.11. Căn trái và căn đều hai bên

Thông số tổng hợp

Loại sản phẩm	Cỡ nội dung	Khoảng cách dòng	Độ dài dòng
Web, ứng dụng	từ khoảng 16 px	1,4–1,6 lần	45–75 ký tự
Ấn phẩm	khoảng 9–12 pt	1,3–1,5 lần	45–75 ký tự
Tiêu đề lớn	theo thang cỡ	1,1–1,3 lần	vài từ mỗi dòng
Phụ đề video	đủ đọc ở khoảng cách xem	tối đa 2 dòng	37–42 ký tự

Phụ đề: đúng chuẩn và chưa tốt

Sans đơn giản, đậm vừa; sáng trên nền tối hoặc có viền nhẹ.

Tối đa hai dòng, ngắt theo nhịp câu nói.

Nằm trong vùng an toàn.

Hiện đủ lâu để đọc.



Hình 8.12. Cùng khung 16:9

Chuẩn phụ đề từ các nguồn

Nguồn	Nội dung	Ghi chú
Netflix (tiếng Việt)	Tối đa 42 ký tự mỗi dòng; khoảng 17 ký tự/giây người lớn, 13 ký tự/giây trẻ em	Hướng dẫn công khai của hãng
BBC (qua Ofcom)	160–180 từ/phút với chương trình ghi sẵn; khoảng 37 ký tự/dòng	Nguồn thứ cấp, tiếng Anh
EBU R 95 (16:9)	Vùng an toàn hành động khoảng 93%, đồ họa khoảng 90%	Nguồn thứ cấp

Chữ trên ảnh nền

Lớp phủ tối (gradient hoặc đồng màu).

Làm mờ nền sau chữ.

Khối nền dưới chữ.

Vùng trống: đặt chữ ở chỗ ảnh ít chi tiết.



Hình 8.13. Bốn cách bảo đảm tương phản

Chữ chuyển động

Cỡ, vị trí, khoảng cách chữ thay đổi theo nghĩa của từ.

Cho người xem đủ thời gian đọc.

Chuyển động gắn với nghĩa, không chỉ để cho đẹp.



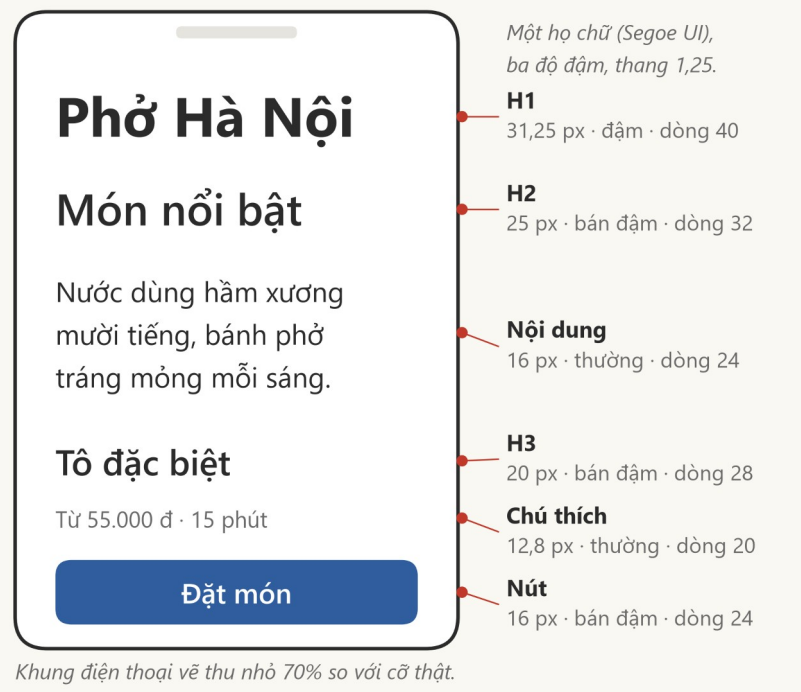
Hình 8.14. “nổ tung”, “rơi”, “thì thầm”

Chữ trong giao diện

Đơn vị tương đối: rem thay vì px cố định.

Phóng to 200%: WCAG 1.4.4 mức AA, không mất nội dung hay chức năng.

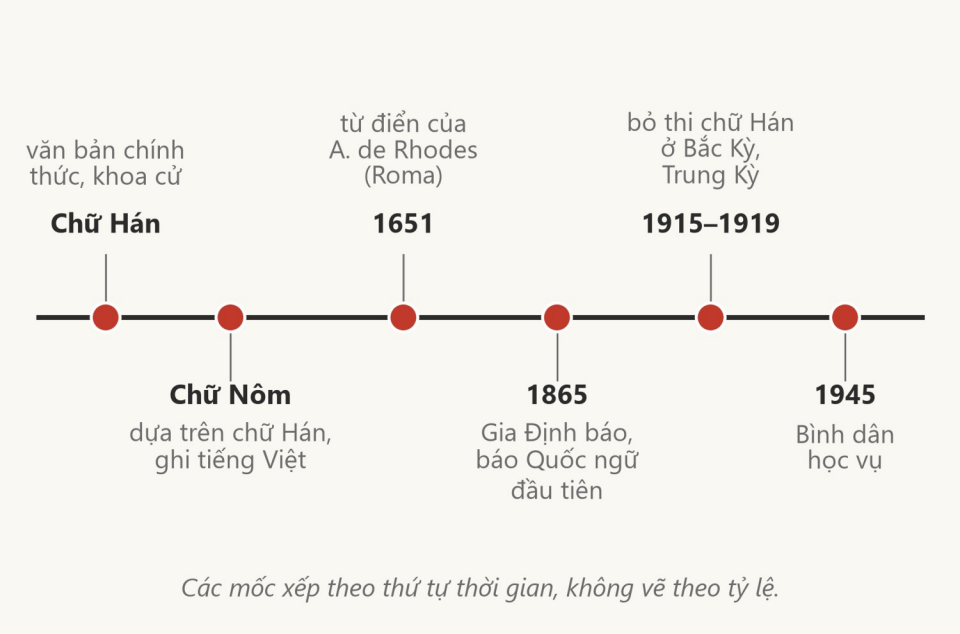
Ít cấp: H1, H2, H3, nội dung, chú thích, nút.



Hình 8.15. Hệ thống chữ cho ứng dụng giả định

Chữ Việt qua các thời kỳ

Chữ Hán, chữ Nôm, chữ Quốc ngữ: lịch sử là chất liệu thiết kế



Hình 8.16. Dòng thời gian chữ viết của người Việt

Tóm tắt chương

Chữ cũng là hình.

Đường cơ sở, x-height, chân chữ, lòng chữ; so font bằng x-height.

Tiếng Việt nhiều dấu.

Dòng rộng hơn; không cắt dấu; thống nhất kiểu đặt dấu.

Sáu nhóm, tối đa hai họ.

Khác biệt bằng cỡ và độ đậm; thang cỡ 1,25 hoặc 1,333.

Sắp chữ dễ đọc.

16 px; dòng 1,4–1,6; 45–75 ký tự; kerning bật; căn trái.

Phụ đề và ảnh nền.

Sans, tối đa hai dòng, vùng an toàn; lớp phủ, làm mờ, khối nền.

Giao diện và lịch sử.

rem, phóng to 200%; chữ Hán, Nôm, Quốc ngữ là chất liệu.

Thực hành: các bài tập

Bài 8.1	Chữ nói cảm xúc	**Bài 8.2**	Kiểm tra font tiếng Việt
Bài 8.3	Hệ thống chữ cho ứng dụng	**Bài 8.4**	Tiêu đề phim
Bài 8.5	Phụ đề cho 30 giây phim	**Bài 8.6**	Sưu tầm chữ địa phương

Câu hỏi ôn tập

Vì sao khoảng cách dòng cho tiếng Việt cần rộng hơn?

Phân biệt tracking và kerning.

Nêu 3 yêu cầu của phụ đề trên video.

Giải thích x-height; vì sao hai font cùng cỡ trông khác kích thước?

Vì sao tối đa hai họ chữ? Nêu hai cách phối an toàn.

Tính năm bước thang hệ số 1,25 từ cỡ gốc 16 px.

Nêu bốn cách bảo đảm tương phản khi đặt chữ trên ảnh nền.

Vì sao kiểm tra font bằng câu mẫu nhiều dấu trước khi dùng?

Căn đều hai bên gây vấn đề gì trong cột hẹp?

Kể ba mốc quan trọng của chữ Quốc ngữ.